

Số: /KH-SGDĐT

Trà Vinh, ngày tháng 7 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện thẩm tra, đánh giá, xác nhận các tiêu chí xây dựng nông thôn mới thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 1491/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố chỉ tiêu các lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai kế hoạch thẩm tra, đánh giá, xác nhận các tiêu chí thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tăng cường công tác quán triệt, triển khai thực hiện trong toàn ngành; tạo sự nhất quán, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và kịp thời giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các SỞ ngành có liên quan và với Ủy ban nhân dân huyện – thị xã – thành phố trong công tác tổ chức thực hiện các tiêu chí thuộc lĩnh vực giáo dục Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; góp phần phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết hàng năm của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới.

2. Thống nhất thực hiện trong ngành Giáo dục các tiêu chí, chỉ tiêu, tiêu chuẩn xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu huyện nông thôn mới, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025 do ngành Giáo dục phụ trách theo chức năng nhiệm vụ được giao. Từ đó, đảm bảo việc thẩm tra, đánh giá, xác nhận từng tiêu chí, chỉ tiêu được chính xác, khách quan, phù hợp với các quy định của Trung ương và của tỉnh về xây dựng nông thôn mới và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

3. Đề cao vai trò trách nhiệm người đứng đầu và nâng cao nhận thức của công chức, viên chức trong ngành về các nội dung công tác xây dựng nông thôn mới (nhất là lĩnh vực giáo dục) tại địa phương.

Qua đó, giúp các cơ sở giáo dục và các cấp quản lý giáo dục trong ngành xác định hiện trạng và nắm bắt tình hình thực tế, kịp thời tham mưu, đề xuất cấp thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các tiêu chí, chỉ tiêu về trường học và giáo dục, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của ngành và địa phương.

II. CÁC VĂN BẢN LÀM CĂN CỨ ĐỂ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ TRƯỜNG HỌC VÀ TIÊU CHÍ GIÁO DỤC

1. Văn bản của Chính phủ và của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

- Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025.

- Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị (gọi tắt là Quyết định 04/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phổ cập giáo dục - chống mù chữ.

2. Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

- Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025 (gọi tắt là Quyết định 1306 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 (gọi tắt là Quyết định 1039 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Quyết định số 1491/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố chỉ tiêu các lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 (gọi tắt là Quyết định 1491 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (gọi tắt là Thông tư 13 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Các Thông tư ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với từng trường theo cấp học: số 17/2018/TT-BGDĐT đối với trường tiểu học; số 18/2018/TT-BGDĐT đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông

và trường phổ thông có nhiều cấp học và số 19/2018/TT-BGDĐT đối với trường mầm non

Các văn bản quy định khác đã được cấp có thẩm quyền ban hành theo từng thời điểm triển khai thực hiện việc xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

III. NỘI DUNG TIÊU CHUẨN, PHƯƠNG PHÁP VÀ CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ

1. Xã nông thôn mới

1.1. Tiêu chí 5 về trường học

a. Chỉ tiêu và tiêu chuẩn đánh giá (theo Quyết định 1306 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định 1491 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định, cụ thể:

- Xã có hơn 3 trường: 100% trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó $\geq 70\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.
- Xã có từ 3 trường trở xuống: 100% trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó $\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

b. Phương pháp và cách thức đánh giá

- Trên cơ sở chỉ tiêu Nghị quyết, kế hoạch hàng năm của địa phương về xây dựng nông thôn mới, từng trường học trên địa bàn xã tiến hành tự rà soát đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư 13 của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo mức độ cụ thể (mức tối thiểu hoặc mức độ 1 hoặc mức độ 2). Sau đó gửi biên bản tự đánh giá về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo kết hợp với Ban chỉ đạo nông thôn mới cấp xã xác định cụ thể từng trường học trên địa bàn xã về cơ sở vật chất đạt mức độ cụ thể (trên cơ sở biên bản tự rà soát đánh giá của trường học). Đồng thời, thành lập đoàn công tác thẩm tra kết quả tự rà soát (hoặc đoàn kiểm tra) cơ sở vật chất trường học, số lượng không quá 7 người; sau đó tiến hành thẩm tra/kiểm tra từng trường học trên địa bàn xã (theo mẫu biên bản đính kèm).

Lưu ý: Có thể thành lập đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chung cho công tác xây dựng nông thôn mới của ngành Giáo dục trên địa bàn huyện – thị xã – thành phố giai đoạn 2021-2025 nhưng thành viên phải đảm bảo đúng đối tượng phù hợp với nhiệm vụ được phân công.

- Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm tra, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí 5 về trường học của từng xã sau khi nhận được hồ sơ đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Sở Giáo dục và Đào tạo xác nhận kết quả thực hiện tiêu chí 5 gửi ban chỉ đạo cấp tỉnh theo văn bản đề nghị của Văn phòng điều phối nông thôn mới Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh.

1.2. Tiêu chí 14 về Giáo dục và Đào tạo

a. Chỉ tiêu và tiêu chuẩn đánh giá (theo Quyết định 1306 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định 1491 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ, cụ thể:

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi
- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2
- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 $\geq 98\%$
- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2
- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2
- Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại Tốt

14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) $\geq 80\%$

b. Phương pháp và cách thức đánh giá

Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã thực hiện quy trình và hoàn thành hồ sơ thủ tục trình cấp huyện kiểm tra, công nhận kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trước tháng 12 hàng năm.

2. Xã nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí 5 về Giáo dục)

2.1. Chỉ tiêu và tiêu chuẩn đánh giá (theo Quyết định 1306 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

5.1. Tỷ lệ 100% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: Mức độ 3

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ: Mức độ 2

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Khá

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền

2.2. Phương pháp và cách thức đánh giá

- Chỉ tiêu 5.1. Thực hiện như điểm b khoản 1.1 mục 1 phần III (Tiêu chí 5 về trường học xã nông thôn mới)

- Các chỉ tiêu 5.2, 5.3, 5.4, 5.5: Thực hiện như điểm b khoản 1.2 mục 1 phần III (Tiêu chí 14 về giáo dục xã nông thôn mới)

- Chỉ tiêu 5.6: Trên cơ sở chỉ tiêu, Nghị quyết, kế hoạch xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, Ủy ban nhân dân xã kết hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường học xây dựng ít nhất một mô hình giáo dục thể chất cho học sinh trên địa bàn xã để rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền; chú trọng công tác xã hội hóa tại địa phương để vận động đầu tư phòng tập thể dục, hồ bơi, sân bóng đá, bóng chuyền,...

3. Xã nông thôn mới kiểu mẫu

3.1. Chỉ tiêu và tiêu chuẩn đánh giá (theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày

08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025)

- Đạt tiêu chí 5 về Giáo dục xã nông thôn mới nâng cao
- Đạt tiêu chuẩn theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.2. Phương pháp và cách thức đánh giá

- Thực hiện như khoản 2.2, mục 2 phần III xã nông thôn mới nâng cao.
- Triển khai thực hiện lĩnh vực nổi trội nhất về giáo dục (nếu có) mang tính đặc trưng của địa phương theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Huyện nông thôn mới

4.1. Chỉ tiêu và tiêu chí đánh giá (theo Quyết định 1039 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định 04/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

a. Nội dung 1. Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025); trong đó mỗi xã đạt tiêu chí 5 về trường học và tiêu chí 14 về Giáo dục xã nông thôn mới nâng cao theo mục 1 phần III kế hoạch này.

b. Nội dung 2. Có ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025); trong đó đạt Tiêu chí 5 về Giáo dục xã đạt nông thôn mới nâng cao theo khoản 2.1, mục 2 phần III kế hoạch này.

c. Nội dung 3. Có 100% số thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh (tiêu chí 8 về giáo dục đô thị), trong đó mỗi thị trấn đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định đối với giáo dục, cụ thể:

- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có ít nhất 60% trở lên số trường học trên địa bàn được công nhận đạt chuẩn quốc gia

- Phổ cập đối với giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; Đạt 100%

- Đạt tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- 70% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc trung cấp). Tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học đạt 80% trở lên đối với phường, 70% trở lên đối với thị trấn.

d. Nội dung 5. Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (Tiêu chí 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục), trong đó:

5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên $\geq 60\%$

5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1

4.2. Phương pháp và cách thức đánh giá

- Phòng Giáo dục và Đào tạo kết hợp với Ban chỉ đạo nông thôn mới từng xã, phường, thị trấn thực hiện như: điểm b khoản 1.1, điểm b khoản 1.2 mục 1

(tiêu chí 5 về trường học và tiêu chí 14 về giáo dục xã nông thôn mới), khoản 2.2 mục 2 (tiêu chí về giáo dục xã nông thôn mới nâng cao) phần III kế hoạch này.

Đồng thời, quán triệt, triển khai, hướng dẫn đến tất cả các trường học trên địa bàn phường, thị trấn thực hiện quy trình tự rà soát, đánh giá mức độ đạt chuẩn về cơ sở vật chất và đối với các trường học, từ đó đề nghị kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để đạt chuẩn đô thị văn minh.

- Trường THPT, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên tích cực rà soát, thực hiện quy trình tự đánh giá đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm định, kiểm tra công nhận đạt chuẩn theo quy định.

5. Thị xã/Thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

5.1. Chỉ tiêu và tiêu chuẩn đánh giá (theo (theo Quyết định 1039 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định 04/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

a Nội dung 1. Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025); trong đó mỗi xã đạt tiêu chí 5 về trường học và tiêu chí 14 về Giáo dục xã nông thôn mới nâng cao theo mục 1 phần III kế hoạch này.

b Nội dung 2. Có ít nhất 01 xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025; trong đó đạt Tiêu chí 5 về Giáo dục xã đạt nông thôn mới nâng cao theo mục 2 phần III kế hoạch này.

c Nội dung 3. Có 100% số phường trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh; trong đó mỗi phường đảm bảo đạt tiêu chí 8 về giáo dục đô thị theo điểm c khoản 4.1, mục 4 phần III kế hoạch này

5.2. Phương pháp và cách thức đánh giá

Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã/thành phố; đồng thời kết hợp với Ban chỉ đạo nông thôn mới từng xã, phường và quán triệt, triển khai, hướng dẫn đến tất cả các trường học thực hiện cách thức, phương pháp như khoản 4.2, mục 4 phần III kế hoạch này.

6. Huyện nông thôn mới nâng cao

6.1. Chỉ tiêu và tiêu chuẩn đánh giá (theo Quyết định 1039 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

a. Nội dung 1. Là huyện đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025); trong đó đạt điểm a khoản 5.1 và điểm c khoản 5.1 mục 5 phần III kế hoạch này

b. Nội dung 2. Có ít nhất 50% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025); trong đó mỗi xã đạt nông thôn mới nâng cao đạt Tiêu chí 5 về Giáo dục theo khoản 2.1, mục 2 phần III kế hoạch này.

c. Nội dung 4. Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 (Tiêu chí 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục), trong đó:

5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2

6.2. Phương pháp và cách thức đánh giá

Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã/thành phố; đồng thời kết hợp với Ban chỉ đạo nông thôn mới từng xã, phường và quán triệt, triển khai, hướng dẫn đến tất cả các trường học thực hiện cách thức, phương pháp như khoản 4.2, mục 4 phần III kế hoạch này.

IV. QUY ĐỊNH HỒ SƠ, THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ, XÁC NHẬN

1. Thời gian

Phòng Giáo dục và Đào tạo gửi đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Văn phòng Sở) thẩm tra, xác nhận **ít nhất trước 30 ngày** huyện đề nghị Đoàn thẩm định của tỉnh đến làm việc (hoặc kiểm tra, thẩm định) để chuẩn bị công nhận kết quả xây dựng nông thôn mới.

2. Quy định hồ sơ thủ tục

Phòng Giáo dục và Đào tạo kết hợp với Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp xã hoàn thành 03 bộ hồ sơ (01 bộ lưu tại xã để phục vụ công tác thẩm định và công nhận; 01 bộ gửi Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp huyện và 01 bộ gửi Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thẩm tra và xác nhận).

2.1. Thủ tục đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo:

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện – thị xã – thành phố thực hiện gửi Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Bản đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo (bản chính)
- Báo cáo của Phòng Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới theo từng nội dung phù hợp với việc đề nghị thẩm tra, xác nhận: xã nông thôn mới (nêu cụ thể theo từng tiêu chí 5 và 14), nông thôn mới nâng cao (tiêu chí 5 về giáo dục) của từng xã, huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao....
- Hồ sơ chi tiết của xã, huyện, thị xã/thành phố theo từng nội dung tiêu chí dưới đây

2.2. Thành phần hồ sơ theo từng nội dung tiêu chí

a. Xã nông thôn mới.

* *Tiêu chí 5 về trường học:*

- Các biên bản của Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra cơ sở vật chất trường học trên địa bàn xã: mỗi trường 01 bản chính (theo mẫu).
- Bản phê tô Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (nếu có).

* *Tiêu chí 14 về Giáo dục:* xếp theo từng xã, mỗi xã gồm:

14.1: + Bản phê tô Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện công nhận xã đạt phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cùng thời điểm (năm) đề nghị thẩm định, công nhận xã đạt nông thôn mới.

+ Danh sách trẻ 6 tuổi trên địa bàn xã đã vào học lớp 1, trong đó đảm bảo các nội dung: thứ tự, họ và tên trẻ, năm sinh, nơi cư trú (ấp), tên trường trẻ

đang học,...

+ Bản phô tô Quyết định công nhận (hoặc biên bản kết luận kiểm tra) đánh giá/xếp loại Trung tâm học tập cộng đồng.

14.2. Danh sách học sinh trên địa bàn xã tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)

Lưu ý: 2 danh sách này phải cùng thời điểm (năm) đề nghị thẩm định, công nhận xã đạt nông thôn mới.

Ví dụ: Xã A đề nghị thẩm định công nhận nông thôn mới năm 2022: nếu trước tháng 6/2022 thì danh sách trên được tính trong năm học 2021-2022 (trong đó danh sách học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tính cuối năm học 2020-2021); nếu sau tháng 9/2022 thì tính trong năm học 2022-2023 (trong đó danh sách học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tính cuối năm học 2021-2022).

b. Xã nông thôn mới nâng cao

- Hồ sơ xã đạt nông thôn mới (đầy đủ như điểm a khoản 2.2, mục 2 phần IV kế hoạch này). Trong đó, tiêu chí trường học tất cả biên bản của Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra cơ sở vật chất từng trường học đều đạt tiêu chuẩn mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 (mỗi trường 01 bản chính theo mẫu) và bản phô tô Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện công nhận xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đạt mức độ 3.

- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh, gồm: Quyết định thành lập mô hình (nêu rõ địa điểm, tên loại hình hoạt động, Ban chủ nhiệm,...); Kế hoạch, báo cáo hoạt động, hình ảnh minh họa (nếu có).

c. Xã nông thôn mới kiểu mẫu

- Đảm bảo đầy đủ hồ sơ xã đạt nông thôn mới nâng cao theo điểm b khoản 2.2, mục 2 phần IV kế hoạch này.

- Các văn bản thể hiện kết quả triển khai thực hiện lĩnh vực nổi trội nhất về giáo dục (nếu có) mang tính đặc trưng của địa phương theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, như: Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện chọn lĩnh vực nổi trội về giáo dục, kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện của xã, hình ảnh, mô hình minh họa (nếu có).

d. Huyện nông thôn mới, Thị xã, Thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao

- Mỗi xã đạt nông thôn mới đảm bảo đầy đủ 01 bộ hồ sơ như điểm a khoản 2.2 mục 2, phần IV kế hoạch này.

- Mỗi xã đạt nông thôn mới nâng cao đảm bảo đầy đủ 01 bộ hồ sơ như điểm b khoản 2.2 mục 2, phần IV kế hoạch này.

- Mỗi thị trấn/phường đảm bảo đầy đủ 01 bộ hồ sơ về tiêu chí 8 về giáo dục đô thị, gồm có:

+ Hồ sơ như điểm a khoản 2.2 mục 2, phần IV kế hoạch này, gồm: tiêu chí 5 về trường học và đối với tiêu chí 14.1 chỉ thực hiện bản phô tô Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cùng thời điểm (năm) đề nghị thẩm định, công nhận xã đạt nông thôn mới và tiêu chí 14.2 (danh sách học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc trung cấp)).

+ Danh sách học sinh trên địa bàn thị trấn đổ vào các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học.

- Các bản phô tô Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên.

- Bản phô tô Quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này từ ngân sách nhà nước theo thẩm quyền phân cấp, đúng quy định và đảm bảo tiết kiệm, công khai, minh bạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện – thị xã – thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, thẩm tra, thẩm định, xác nhận việc thực hiện kết quả xây dựng nông thôn mới đối với các tiêu chí được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công ngành Giáo dục phụ trách.

- Trên cơ sở chỉ tiêu Nghị quyết, kế hoạch của tỉnh hàng năm, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phân công phòng chuyên môn nghiệp vụ Sở theo chức năng nhiệm vụ được giao tham mưu đưa vào kế hoạch từng năm học và từng thời điểm để hướng dẫn các trường học tích cực thực hiện đạt hiệu quả về công tác xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

- Giao Văn phòng Sở chịu trách nhiệm đầu mối trực tiếp tham mưu, tổng hợp giúp Giám đốc Sở đánh giá, nắm tình hình công tác xây dựng nông thôn mới của ngành Giáo dục để có hướng chỉ đạo và khắc phục kịp thời. Thực hiện báo cáo định kỳ (6 tháng và năm), báo cáo đột xuất theo yêu cầu của ban chỉ đạo tỉnh.

- Cùng đoàn công tác của tỉnh tham gia khảo sát, kiểm tra, thẩm định kết quả thực hiện nông thôn mới của các địa phương.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện – thị xã – thành phố

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện – thị xã – thành phố triển khai đến từng trường học tổ chức thực hiện kế hoạch này.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm và thực hiện đúng quy trình, đầy đủ hồ sơ đảm bảo kịp thời việc kiểm tra, thẩm tra, đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nông thôn mới của địa phương.

- Thành lập đoàn kiểm tra (số lượng không quá 7 người/đoàn), phân công cụ thể nhiệm vụ các thành viên để kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí về trường học, về giáo dục của từng trường học tại các xã đảm bảo đúng tiến độ đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm tra, đánh giá, xác nhận theo kế hoạch thời gian thẩm định công nhận của tỉnh. (Thời gian ghi trên biên bản của Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra các trường học để làm hồ sơ trình cấp tỉnh thẩm định công nhận không sớm quá 2 tháng kể từ khi kiểm tra đến khi đoàn thẩm định của tỉnh làm việc tại địa phương)

- Thường xuyên nắm tình hình, rà soát kiểm tra theo tiêu chuẩn quy định, việc thực hiện các tiêu chí nông thôn mới tại các trường học để tham mưu Ủy ban huyện – thị xã – thành phố có kế hoạch chỉ đạo, đầu tư cụ thể (nhất là cơ sở vật

chất trường học).

- Thực hiện nghiêm túc báo cáo định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6) và báo cáo năm (trước ngày 30/11), báo cáo đột xuất theo yêu cầu về Sở Giáo dục và Đào tạo (gửi văn bản điện tử có ký tên đóng dấu và file mềm qua Văn phòng Sở).

3. Các trường học, cơ sở giáo dục

- Hàng năm, theo chỉ tiêu Nghị quyết, kế hoạch của tỉnh và huyện – thị xã – thành phố, tiến hành lập kế hoạch triển khai đến từng viên chức để quyết tâm thực hiện xây dựng nông thôn mới sát với thực tế đơn vị, trong đó chú trọng tự rà soát, đánh giá hiện trạng các tiêu chuẩn của từng tiêu chí để khắc phục và phản ánh đề xuất kịp thời với cấp có thẩm quyền.

- Trên cơ sở tiêu chuẩn quy định, ngay từ đầu năm từng trường học tự đánh giá cơ sở vật chất trường học theo từng mức cụ thể (có biên bản) để báo cáo, đề xuất về Phòng Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, thực hiện kiểm tra chính thức (theo lịch thời gian của Phòng Giáo dục và Đào tạo) đảm bảo đúng tiến độ để làm hồ sơ phục vụ công tác thẩm định, đánh giá, xác nhận của Sở Giáo dục và Đào tạo và của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp huyện và cấp tỉnh.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, đề nghị Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường học và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để nắm tình hình, tổng hợp, khắc phục giải quyết theo chức năng nhiệm vụ và báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch thẩm tra, đánh giá, xác nhận các tiêu chí thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Trà Vinh./.

Đính kèm các biểu mẫu biên bản kiểm tra cơ sở vật chất trường học

Nơi nhận

- Sở NNPTNT (VPĐP NTM) (P/hợp chỉ đạo);
- UBND huyện- tx-tp (P/hợp chỉ đạo);
- Giám đốc, các PGĐ Sở GDĐT (chỉ đạo);
- Phòng GDĐT huyện - tx-tp (thực hiện);
- Phòng CMNV Sở GDĐT (thực hiện)
- Lưu VT,VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Bạch Vân